

Bản án số: 42/2024/DS-ST
Ngày: 31-7- 2024
V/v: Tranh chấp Hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Châm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Sơn

Bà Nguyễn Thị Di

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Long Điền tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 05 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2024/QĐ-HPT ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số B -B N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Công P- Chuyên viên.

Địa chỉ: G Hương lộ E, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số A, tổ A, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của người đại diện Ngân hàng TMCP S tại Tòa án:

Ngày 15/06/2022, bà Hoàng Thị T ký “Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) cụ thể như sau: Loại thẻ VISA, số thẻ 472074 – 5979, hạn mức 30.000.000 đồng. Bà T được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần; Lãi suất trong hạn là 2,766%/tháng; Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau; Lãi quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài

ra, bà **T** còn phải chịu các khoản phí khác theo thỏa thuận. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà **Hoàng Thị T** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 197.744.090 đồng, thanh toán cho Ngân hàng số tiền 180.639.750 đồng.

Do bà **Hoàng Thị T** vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 10/12/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 32.401.931 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Ngân hàng yêu cầu bà **Hoàng Thị T** trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 31/07/2024 là 42.887.939 đồng. Cụ thể: Số tiền nợ gốc tính đến ngày 10/12/2023 là 32.401.931 đồng; Số tiền lãi quá hạn từ ngày 10/12/2023 đến ngày 31/07/2024 là 10.486.008 đồng. Đồng thời, yêu cầu bà **T** có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/07/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

*Đối với bị đơn bà **Hoàng Thị T***: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền phát biểu ý kiến: Trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: **Ngân hàng TMCP S** yêu cầu bà **Hoàng Thị T** trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*”; bị đơn có địa chỉ cư trú tại **huyện L** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà **Hoàng Thị T** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo luật định.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn **Hoàng Thị T** đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, không gửi văn bản nêu ý kiến hoặc phản đối trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình được pháp luật quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật

Tổ tụng dân sự, bị đơn có ý thức không quan tâm và bỏ mặc hậu quả pháp lý có thể xảy ra. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà **Hoàng Thị T** thanh toán số tiền nợ gốc tính đến ngày 10/12/2023 là 32.401.931 đồng:

Ngày 15/06/2022, bà **Hoàng Thị T** ký với **Ngân hàng TMCP S** (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, loại thẻ VISA, số thẻ 472074 – 5979, hạn mức 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, mức lãi suất được áp dụng là mức lãi suất thỏa thuận giữa đơn vị phát hành thẻ và chủ thẻ. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ bản tóm tắt sao kê các giao dịch qua số thẻ 472074 – 5979 của bà **Hoàng Thị T** thể hiện bà **T** đã thực hiện với tổng số tiền là 197.744.090 đồng, thanh toán cho Ngân hàng số tiền 180.639.750 đồng.

Do bà **T** vi phạm nghĩa vụ nên ngày 10/12/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dự nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số tiền nợ gốc 32.401.931 đồng. Bà **T** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu buộc bà **T** phải thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu là phù hợp với quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã giao kết và quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà **Hoàng Thị T** phải thanh toán số tiền nợ gốc tính đến 10/12/2023 là 32.401.931 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà **Hoàng Thị T** thanh toán tiền lãi quá hạn từ ngày 10/12/2023 đến ngày 31/7/2024 với số tiền 10.486.008 đồng.

Bà **T** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh tính trên dự nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã giao kết và quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (tương ứng Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024).

Theo thỏa thuận quy định trong hợp đồng thì mức lãi suất trong hạn là 2,766%/tháng, lãi suất nợ quá hạn tính bằng 150% lãi trong hạn, do đó mức lãi suất nợ hạn của thẻ tín dụng là 4.149 %/tháng (2,766%/tháng x 150%); Số tiền lãi quá hạn 1 ngày: 32.401.931 đồng x (4.149%/30) = 44.812 đồng. Số ngày lãi quá hạn từ ngày 10/12/2023 đến ngày 31/07/2024 là 234 ngày nên số tiền lãi quá hạn là: 44.812đồng/ngày x 234 ngày = 10.486.008 đồng.

Căn cứ thỏa thuận tại hợp đồng và quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà **Hoàng Thị T** trả số tiền lãi quá hạn 10.486.008 đồng và tiếp tục phải trả lãi phát sinh từ ngày 31/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là có căn cứ, được chấp nhận.

Từ phân tích tại phần [2.1] và [2.2] Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 31/7/2024 là 42.887.939 đồng. Trong đó: Số tiền nợ gốc tính đến ngày

10/12/2023 là 32.401.931 đồng; Số tiền lãi quá hạn từ ngày 10/12/2023 đến ngày 31/07/2024 là 10.486.008 đồng. Đồng thời, buộc bà **T** có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/07/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm được tính trên giá trị tranh chấp là 42.887.939 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3.2. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên **Ngân hàng TMCP S** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S**.

Buộc bà **Hoàng Thị T** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền còn của thẻ tín dụng số 472074 – 5979 tính đến ngày 31/7/2024 là 42.887.939 đồng. Trong đó: Số tiền nợ gốc tính đến ngày 10/12/2023 là 32.401.931 đồng; Số tiền lãi quá hạn từ ngày 10/12/2023 đến ngày 31/07/2024 là 10.486.008 đồng.

Bà **Hoàng Thị T** có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng đã giao kết tính trên dư nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/7/2024) cho đến khi trả dứt nợ vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà **Hoàng Thị T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.144.397đ (Hai triệu, một trăm bốn mươi bốn ngàn, ba trăm chín mươi bảy đồng).

2.2. **H** lại 932.000đ (Chín trăm ba mươi hai ngàn đồng) tạm ứng án phí cho **Ngân hàng TMCP S** theo Biên lai thu tạm ứng án số 0004488 ngày 19/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền;
- Thi hành án dân sự huyện Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Châm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Di Huỳnh M

Phạm Thị Bình

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Di Huỳnh M

Phạm Thị B

